

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày: 21/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU – TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan, ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: ông Trịnh Nguyễn Thanh An - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 270/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức P**; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 16/11/1994, tại Bình Định; Nơi thường trú: Thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; Nơi ở hiện nay: Không có nơi cư trú nhất định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không.

Cha: Nguyễn Đức H, sinh năm 1972; Mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1975.

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Đức P bị tạm giữ từ ngày 08/9/2024 đến ngày 17/9/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Văn T1**; tên gọi khác: Phạm T1; Giới tính: Nam. Sinh ngày 26/9/1992, tại Gia Lai; Nơi thường trú: Làng N, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; Nơi ở hiện nay: Không có nơi cư trú nhất định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Không.

Cha: Phạm Văn B, sinh năm 1964; Mẹ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969.

Bị cáo có 02 em ruột sinh năm 2000 và sinh năm 2007.

Vợ: Y My C, sinh năm 1995 (đã ly hôn).

Bị cáo có 01 con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án: 01 lần.

Tại Bản án số 36/2011/HSST ngày 13/01/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử tuyên phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự); chấp hành án tại Trại giam G - Bộ C1. Ngày 14/01/2012, chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa thi hành xong phần bồi thường dân sự.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/01/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian chấp hành 24 tháng. Ngày 16/7/2021, chấp hành xong quyết định.

Bị cáo Phạm Văn T1 bị tạm giữ từ ngày 08/9/2024 đến ngày 17/9/2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người Bị hại:**

1. Nguyễn Đình P1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ B, phường H, TP ., tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Đình N, sinh năm 1994, địa chỉ: 5 P, tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trương H2, sinh năm: 1991; Địa chỉ: A H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (vắng mặt tại phiên tòa)

2. Anh Nguyễn Anh T2, sinh năm: 1975; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 27/8/2024, Phạm Văn T1 điều khiển xe mô tô biển số 81K5-5812 chở Nguyễn Đức P đến ruộng lúa phía sau quán nhậu Nguyễn P tại hẻm E đường P, Tổ B, phường H, thành phố P để bắt ốc. Đến khoảng 01 giờ ngày 28/8/2024, P rủ T1 đột nhập vào quán nhậu Nguyễn P của ông Nguyễn Đình P1 (sinh năm 1978, trú tại Tổ B, phường H, thành phố P) trộm bia mang về nhậu, thì T1 đồng ý. P và T1 đi bộ đến khu vực cổng quán N1, trèo tường đột nhập vào trong. Khi đến khu vực trước nhà bếp, T1 đứng canh giới còn P lấy 01 thùng bia Saigon xanh loại 24 lon mang ra để gần cổng. Sau đó, P và T1 vào bếp tìm đồ ăn thì P nhìn thấy trong phòng ngủ cạnh nhà bếp có ông Nguyễn Đình N (sinh năm 1994, trú tại Tổ B, phường D, thành phố P; là nhân viên của quán Nguyễn P) đang ngủ, trên đầu giường để chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max. P nói với T1: “*Bên trong có gì giống điện thoại kia, vào lấy đi*”. T1 lén lút đi đến đầu giường ông N đang ngủ, lấy chiếc điện thoại Iphone 12 Pro Max tắt nguồn, cất vào túi quần rồi quay ra nhà bếp cùng P lấy trộm thêm 01 thùng bia Tiger bạc loại 24 lon. P và T1 khiêng 02 thùng bia qua tường rào, rồi điều khiển xe mô tô biển số 81K5-5812 tẩu thoát. Khi về phòng trọ của P, trong lúc ngồi nhậu, P nói với T1: “*Em có điện*

thoại rồi, anh giữ lấy điện thoại dùng đi”, nên T1 giữ chiếc điện thoại. Đến sáng ngày 07/9/2024, T1 mở nguồn chiếc điện thoại Iphone 12 Pro Max thấy có mật khẩu, nên mang đến tiệm điện thoại Gia Thái của ông Trương H2 (sinh năm 1991) tại số A đường H, phường Y, thành phố P) để chạy lại chương trình. Khoảng 12 giờ ngày 07/9/2024, ông N kiểm tra định vị, phát hiện vị trí của chiếc điện thoại nên đến Công an phường H trình báo. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an phường H đến tiệm Đ làm việc với ông Trương H2 và thu giữ chiếc điện thoại Iphone. Đến 15 giờ 35 phút ngày 07/9/2024, Phạm Văn T1 ra đầu thú; đến 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Đức P ra đầu thú.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 25/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức P và Phạm Văn T1 về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức P và Phạm Văn T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017;

Áp dụng: Điều 38; Điều 50; Điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đức P từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 08/9/2024.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Phạm Văn T1 tên gọi khác (Phạm T1) từ 01 (Một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 08/9/2024.

***Về dân sự:** Ông Nguyễn Đình P1 và ông Nguyễn Đình N không yêu cầu bồi thường.

***Vật chứng vụ án:** Đối với chiếc xe mô tô biển số 81K5-5812, nhãn hiệu DAEMACO, màu nâu, số máy VLF1P50FMG360510388, số khung RL8DCG9DL61010388 mà bị cáo T1 đã sử dụng để đi thực hiện hành vi phạm tội thuộc sở hữu của bị cáo Toàn. Nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, 128GB, màu xám đen, là tài sản của ông Nguyễn Đình N. Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả chiếc điện thoại này lại cho ông N nên không đề cập đến.

Đối với 01 thùng bia Saigon và 01 thùng bia Tiger bạc mà Nguyễn Đức P và Phạm Văn T1 đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Đình P1, do các bị can đã uống hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Ông P1 không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với 01 đĩa DVD chứa dữ liệu được trích xuất từ camera tại quán N1, Cơ quan điều tra tiến hành niêm phong, đưa vào hồ sơ vụ án.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức P và Phạm Văn T1 khai nhận: Khoảng 01 giờ ngày 28/8/2024, tại quán N1 ở hẻm E đường P, Tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Nguyễn Đức P và Phạm Văn T1 đã lén lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Đình N 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, 128GB, màu xám đen có giá trị 10.500.000 đồng và chiếm đoạt của ông Nguyễn Đình P1 02 thùng bia có giá trị 645.000 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt là 11.145.000 đồng.

Lời khai của những người bị hại có tại hồ sơ vụ án như sau: Vào ngày 28/8/2024 tại quán nhậu của gia đình anh Nguyễn Đình P1 bị kẻ gian đột nhập vào quán lấy trộm 02 thùng bia và 01 điện thoại Iphone 12 Pro Max của anh Nguyễn Đình N.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đức P, Phạm Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức rõ quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đều bị trừng trị. Nhưng với động cơ vụ lợi cá nhân, bản chất lười lao động muốn ăn chơi, nhậu nhẹt nhưng không muốn bỏ công sức lao động để kiếm tiền, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, các bị cáo đã nhảy qua tường rào, đột nhập vào quán chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 11.145.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an trong xã hội, nên cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

Trong vụ án này, Nguyễn Đức P và Phạm Văn T1 phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. P là người khởi xướng, rủ rê nhưng T1 là người trực tiếp thực

hành tội phạm; T1 giữ vai trò đồng phạm giúp sức nhưng hưởng lợi từ tài sản trộm cắp phần lớn. Nên cần xem xét tính chất và mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức P thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, đêm khuya, không cảnh giác, nên bị cáo đã lén lút tiếp cận, trèo tường rào để vào bên trong quán thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bị cáo Phạm Văn T1 là người thực hành tích cực là người trực tiếp lấy tài sản Iphone 12 P và là người được hưởng lợi từ chiếc điện thoại này. Bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy HĐXX xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng có phần xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú. Nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017 cho các bị cáo. Riêng bị cáo P áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 và bị cáo T1 áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3] Vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô biển số 81K5-5812, nhãn hiệu DAEMACO, màu nâu, số máy VLF1P50FMG360510388, số khung RL8DCG9DL61010388 mà bị cáo T1 đã sử dụng để đi thực hiện hành vi phạm tội thuộc sở hữu của bị cáo Toàn. Nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, 128GB, màu xám đen, là tài sản của ông Nguyễn Đình N. Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả chiếc điện thoại này lại cho ông N nên không đề cập đến.

Đối với 01 thùng bia Saigon và 01 thùng bia Tiger bạc mà Nguyễn Đức P và Phạm Văn T1 đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Đình P1, do các bị cáo đã uống hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Ông P1 không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với 01 đĩa DVD chứa dữ liệu được trích xuất từ camera tại quán N1, Cơ quan điều tra tiến hành niêm phong, đưa vào hồ sơ vụ án.

[4] Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức P và bị cáo Phạm Văn T1 (tên gọi khác Phạm T1) phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Áp dụng: Điều 38; Điều 50, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức P 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 08/9/2024.

Áp dụng: Điều 38; Điều 50, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T1 (tên gọi khác Phạm T1) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 08/9/2024

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước xe mô tô biển số 81K5-5812, nhãn hiệu DAEMACO, màu nâu, số máy VLF1P50FMG360510388, số khung RL8DCG9DL61010388 mà bị cáo T1 đã sử dụng để đi thực hiện hành vi phạm tội thuộc sở hữu của bị cáo Toàn.

(Tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku ngày (...01/2025).

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Đức P, bị cáo Phạm Văn T1 (tên gọi khác Phạm T1) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 21/01/2025) các bị cáo, được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Công an thành phố Pleiku;
- Chi cục THA dân sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Tố Uyên

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa